

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 851 /QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp Học bổng Khuyến khích học tập đối với
sinh viên hệ đại học chính quy học kỳ 1, năm học 2020 - 2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-TTg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 của Thống Đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-NHNN ngày 01/03/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;

Căn cứ Quyết định số 2667/QĐ-ĐHNH ngày 26/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế xét, cấp học bổng đối với người học tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên hệ đại học chính quy trong học kỳ 1, năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Biên bản số 453/BB-ĐHNH ngày 11/5/2021 của Hội đồng xét, cấp Học bổng Khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ đại học chính quy học kỳ 1, năm học 2020 - 2021;

Căn cứ kết quả kiểm dò của sinh viên hệ đại học chính quy đối với Danh sách dự kiến sinh viên hệ đại học chính quy đủ điều kiện được cấp Học bổng Khuyến khích học tập học kỳ 1, năm học 2020 - 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng, Phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Học bổng Khuyến khích học tập đối với 490 sinh viên hệ đại học chính quy trong học kỳ 1, năm học 2020 – 2021 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Mức học bổng được quy định như sau:

- Xếp loại xuất sắc: 1.575.000 đồng/tháng.
- Xếp loại giỏi: 1.135.000 đồng/tháng.
- Xếp loại khá: 980.000 đồng/tháng.

Thời gian cấp học bổng là 5 tháng/học kỳ và được lĩnh một lần/học kỳ.

Điều 3. Các Ông/Bà Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng các khoa quản lý sinh viên, các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- P.TCKT;
- Lưu: VP, P.CTSV.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Hữu Toàn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2021

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2020 - 2021**

(Kèm theo Quyết định số: 881 /QĐ-ĐHNH ngày 17/5/2021 của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
1	050607190452	Ôn Vĩnh Tân	HQ7-GE02	Quản trị Kinh doanh	9,83	Xuất sắc	100	Xuất sắc	16	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
2	030134180190	Nguyễn Thị Thanh Hương	DH34TC02	Tài chính	9,68	Xuất sắc	90	Xuất sắc	24	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
3	050607190193	Phan Vũ Duy Khang	HQ7-GE04	Ngân hàng	9,63	Xuất sắc	96	Xuất sắc	18	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
4	030534180061	Đặng Thị Hòa	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	9,57	Xuất sắc	95	Xuất sắc	21	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
5	030135190013	Hồng Nhật Anh	DH35NH01	Ngân hàng	9,54	Xuất sắc	93	Xuất sắc	19	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
6	030134180294	Trương Văn Nam	HQ6-GE06	Ngân hàng	9,5	Xuất sắc	99	Xuất sắc	16	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
7	030134180251	Triệu Thị Trúc Linh	DH34TC03	Tài chính	9,5	Xuất sắc	92	Xuất sắc	21	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
8	050606180411	Bùi Thị Thùy Trang	HQ6-GE07	Kế toán - Kiểm toán	9,49	Xuất sắc	92	Xuất sắc	21	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
9	030835190010	Đặng Thị Ngọc Ánh	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	9,49	Xuất sắc	91	Xuất sắc	24	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
10	030633171604	Nguyễn Thị Kim Phương	DH33TC07	Tài chính	9,46	Xuất sắc	95	Xuất sắc	15	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
11	030135190631	Đoàn Thị Ngọc Trâm	DH35NH01	Ngân hàng	9,44	Xuất sắc	99	Xuất sắc	21	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
12	050607190515	Phạm Thị Anh Thư	HQ7-GE14	Ngân hàng	9,42	Xuất sắc	95	Xuất sắc	18	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
13	050607190024	Mai Hoàng Anh	HQ7-GE03	Quản trị Kinh doanh	9,42	Xuất sắc	92	Xuất sắc	16	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
14	050607190543	Nguyễn Thanh Tòng	HQ7-GE05	Ngân hàng	9,4	Xuất sắc	100	Xuất sắc	15	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
15	030134180475	Ngô Thị Thanh Tuyền	DH34TC05	Tài chính	9,37	Xuất sắc	98	Xuất sắc	20	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
16	030534180038	Phạm Thị Giang	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	9,34	Xuất sắc	95	Xuất sắc	21	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
17	030534180112	Nguyễn Thị Thảo My	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	9,34	Xuất sắc	94	Xuất sắc	17	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
18	030134180047	Nguyễn Bảo Chân	DH34TC01	Tài chính	9,34	Xuất sắc	93	Xuất sắc	24	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
19	050606180284	Nguyễn Thị Thùy Nhiên	HQ6-GE05	Tài chính	9,32	Xuất sắc	96	Xuất sắc	17	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
20	030633170486	Nguyễn Lê Thị Tuyết Trang	DH33TC03	Tài chính	9,31	Xuất sắc	90	Xuất sắc	24	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
21	030134180590	Phạm Mai Trâm	DH34TC05	Tài chính	9,3	Xuất sắc	95	Xuất sắc	26	Xuất sắc	1.575.000	7.875.000
22	030134180374	Huỳnh Thị Hồng Như	DH34TC03	Tài chính	9,63	Xuất sắc	88	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000

h

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
23	030534180128	Ngô Trung Nghĩa	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	9,49	Xuất sắc	85	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
24	030534180111	Lê Minh Nguyệt My	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	9,35	Xuất sắc	85	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
25	030134180351	Lê Hoàng Quyển Nhi	DH34NH03	Ngân hàng	9,32	Xuất sắc	82	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
26	030134180353	Lê Thị Yến Nhi	DH34NH03	Ngân hàng	9,3	Xuất sắc	82	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
27	050607190563	Nguyễn Ngọc Trâm	HQ7-GE17	Tài chính	9,29	Giỏi	95	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
28	030534180097	Nguyễn Thị Thùy Linh	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	9,28	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
29	050607190578	Lê Mộng Hương Trinh	HQ7-GE08	Kế toán - Kiểm toán	9,28	Giỏi	90	Xuất sắc	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
30	030633171442	Đào Minh Đức	DH33KT04	Kế toán - Kiểm toán	9,28	Giỏi	87	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
31	030236200039	Nguyễn Hữu Đông	DH36HT04	Hệ thống Thông tin Quản lý	9,28	Giỏi	85	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
32	030534180133	Lê Thảo Nguyên	DH34KT03	Kế toán - Kiểm toán	9,27	Giỏi	99	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
33	030805170035	Trần Huỳnh Thanh Huy	HQ5-GE02	Tài chính	9,25	Giỏi	93	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
34	030534180200	Nguyễn Trần Hương Trà	DH34KT04	Kế toán - Kiểm toán	9,24	Giỏi	97	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
35	030134180197	Trần Quốc Kiệt	DH34TC02	Tài chính	9,24	Giỏi	87	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
36	050607190020	Lê Thị Kim Anh	HQ7-GE08	Kế toán - Kiểm toán	9,24	Giỏi	85	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
37	050607190213	Tô Thị Thanh Kiều	HQ7-GE04	Ngân hàng	9,23	Giỏi	93	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
38	050607190238	Nguyễn Thị Loan	HQ7-GE05	Ngân hàng	9,23	Giỏi	91	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
39	030134180357	Nguyễn Thị Yên Nhi	DH34TC03	Tài chính	9,23	Giỏi	82	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
40	050606180366	Nguyễn Thị Thu Thảo	HQ6-GE01	Kế toán - Kiểm toán	9,22	Giỏi	93	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
41	030633170891	Trương Đặng Châu Giang	DH33TC05	Tài chính	9,22	Giỏi	93	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
42	030534180189	Trần Thị Kim Thoa	DH34KT03	Kế toán - Kiểm toán	9,22	Giỏi	85	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
43	030134180054	Trần Thị Chi	DH34TC01	Tài chính	9,21	Giỏi	91	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
44	030534180110	Trần Thị Tuyết Minh	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	9,21	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
45	030633170253	Bùi Lê Ngọc Anh	DH33NH02	Ngân hàng	9,2	Giỏi	92	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
46	050606180421	Mai Hoàng Bảo Trâm	HQ6-GE01	Kế toán - Kiểm toán	9,2	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
47	030135190137	Nguyễn Phương Hồng Hạnh	DH35NH02	Ngân hàng	9,2	Giỏi	91	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
48	030633171278	Trần Thị Phương Thanh	DH33KT04	Kế toán - Kiểm toán	9,2	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000

h

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
49	030633171446	Đặng Hoàng Trang	DH33TC06	Tài chính	9,2	Giỏi	83	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
50	050607190161	Nguyễn Thị Minh Hoài	HQ7-GE10	Quản trị Kinh doanh	9,19	Giỏi	95	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
51	030235190184	Nguyễn Dạ Thảo Uyên	DH35TM02	Hệ thống Thông tin Quản lý	9,19	Giỏi	94	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
52	050607190282	Cao Thị Kim Ngân	HQ7-GE02	Quản trị Kinh doanh	9,18	Giỏi	99	Xuất sắc	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
53	030134180032	Hoàng Thị Ngọc Ánh	DH34NH01	Ngân hàng	9,18	Giỏi	92	Xuất sắc	26	Giỏi	1.135.000	5.675.000
54	050606180431	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	HQ6-GE05	Tài chính	9,18	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
55	030135190079	Nguyễn Tiến Dũng	DH35NH02	Ngân hàng	9,18	Giỏi	90	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
56	050608200139	Phạm Nguyễn Liên Sơn	HQ8-GE14	Tài chính	9,18	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
57	050607190125	Lưu Thị Thu Hà	HQ7-GE10	Quản trị Kinh doanh	9,17	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
58	050607190297	Trần Thị Hương Ngân	HQ7-GE18	Tài chính	9,17	Giỏi	96	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
59	030805170005	Trần Thiên Phúc	HQ5-GE09	Ngân hàng	9,17	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
60	050607190511	Nguyễn Thị Anh Thư	HQ7-GE14	Ngân hàng	9,17	Giỏi	88	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
61	030135190706	Nguyễn Thị Tố Uyên	DH35TC01	Tài chính	9,16	Giỏi	94	Xuất sắc	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
62	030633170133	Trần Thị Thanh Hiền	DH33TC03	Tài chính	9,15	Giỏi	94	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
63	030134180063	Huỳnh Lệ Dung	DH34NH01	Ngân hàng	9,15	Giỏi	90	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
64	050606180231	Nguyễn Thị Thúy Ngân	HQ6-GE01	Kế toán - Kiểm toán	9,15	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
65	030134180256	Nguyễn Thị Phương Loan	DH34NH02	Ngân hàng	9,15	Giỏi	87	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
66	050608200208	Huỳnh Hoài An	HQ8-GE04	Tài chính	9,14	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
67	030134180565	Phùng Thị Xuân Thương	HQ6-GE06	Ngân hàng	9,14	Giỏi	95	Xuất sắc	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
68	030534180145	Phạm Nguyễn Mẫn Nhi	DH34KT03	Kế toán - Kiểm toán	9,14	Giỏi	87	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
69	030534180142	Nguyễn Thúy Lan Nhi	DH34KT03	Kế toán - Kiểm toán	9,14	Giỏi	84	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
70	030134180350	Đoàn Lê Yến Nhi	DH34NH03	Ngân hàng	9,14	Giỏi	84	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
71	030236200112	Phạm Thị Ngọc Nhung	DH36HT04	Hệ thống Thông tin Quản lý	9,14	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
72	030835190145	Vũ Mai Ngân	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	9,14	Giỏi	81	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
73	030633170894	Nguyễn Ngọc Thuận	DH33KT03	Kế toán - Kiểm toán	9,14	Giỏi	81	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
74	030135190092	Lê Thị Thùy Dương	HQ7-GE18	Tài chính	9,13	Giỏi	94	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
75	030534180244	Phan Phương Tường Vy	DH34KT04	Kế toán - Kiểm toán	9,13	Giỏi	90	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
76	050607190263	Trần Thị Mơ	HQ7-GE08	Kế toán - Kiểm toán	9,12	Giỏi	84	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
77	030633170922	Phạm Ngọc Trúc My	DH33TC04	Tài chính	9,12	Giỏi	84	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
78	050607190242	Nguyễn Duy Nam Long	HQ7-GE04	Ngân hàng	9,11	Giỏi	93	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
79	030534180246	Nguyễn Thị Ngọc Ý	DH34KT04	Kế toán - Kiểm toán	9,1	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
80	030434180241	Đinh Nguyễn Lam Uyên	DH34AV04	Ngoại ngữ	9,09	Giỏi	94	Xuất sắc	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
81	030534180058	Lê Thị Mỹ Hiệp	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	9,09	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
82	030534180008	Võ Thị Ngọc Bích	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	9,08	Giỏi	94	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
83	030633170609	Cao Thu Trang	DH33TC03	Tài chính	9,08	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
84	050607190143	Nguyễn Bảo Gia Hân	HQ7-GE14	Ngân hàng	9,08	Giỏi	91	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
85	050606180054	Lưu Văn Chung	HQ6-GE07	Kế toán - Kiểm toán	9,08	Giỏi	90	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
86	030134180204	Phạm Trọng Khang	DH34NH02	Ngân hàng	9,08	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
87	030135190760	Nguyễn Thị Như Yến	HQ7-GE06	Tài chính	9,07	Giỏi	94	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)	
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại					
88	030633171608	Huỳnh Thị Thảo	Xương	DH33TC07	Tài chính	9,07	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
89	030135190690	Võ Thị Cẩm	Tú	HQ7-GE08	Kế toán - Kiểm toán	9,07	Giỏi	89	Tốt	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
90	030434180250	Lý Thảo	Vi	DH34AV04	Ngoại ngữ	9,07	Giỏi	85	Tốt	25	Giỏi	1.135.000	5.675.000
91	030633170355	Đặng Thị Tường	Vân	DH33KT01	Kế toán - Kiểm toán	9,07	Giỏi	85	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
92	030135190534	Lê Minh	Thắng	DH35NH03	Ngân hàng	9,07	Giỏi	84	Tốt	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
93	030633171183	Đinh Thị Thu	Hiền	DH33KT04	Kế toán - Kiểm toán	9,06	Giỏi	91	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
94	030534180109	Phạm Lê Ngọc	Minh	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	9,06	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
95	030536200245	Trần Thị Thanh	Trúc	DH36KT06	Kế toán - Kiểm toán	9,06	Giỏi	84	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
96	050606180285	Nguyễn Tuyết	Nhung	HQ6-GE01	Kế toán - Kiểm toán	9,05	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
97	030633171467	Võ Thị Uyên	Nhi	DH33TC07	Tài chính	9,05	Giỏi	91	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
98	030534180018	Trần Thị	Diễm	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	9,05	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
99	030534180029	Nguyễn Thị Thùy	Dương	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	9,05	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
100	050607190539	Trần Trọng	Tín	HQ7-GE14	Ngân hàng	9,05	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)	
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại					
101	030835190202	Lê Thị Thu	Sương	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	9,05	Giỏi	85	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
102	030235190057	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	DH35DN02	Hệ thống Thông tin Quản lý	9,05	Giỏi	84	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
103	030835190067	Đỗ Ngọc	Hân	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	9,04	Giỏi	84	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
104	050607190500	Võ Thị Thu	Thủy	HQ7-GE07	Tài chính	9,04	Giỏi	84	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
105	030134180052	Trần Bảo	Châu	DH34TC01	Tài chính	9,03	Giỏi	96	Xuất sắc	26	Giỏi	1.135.000	5.675.000
106	030534180170	Trịnh Thị Quỳnh	Tiên	DH34KT04	Kế toán - Kiểm toán	9,03	Giỏi	93	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
107	030805170008	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	HQ5-GE02	Tài chính	9,03	Giỏi	91	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
108	050606180288	Đặng Thị Yến	Như	HQ6-GE01	Kế toán - Kiểm toán	9,03	Giỏi	91	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
109	030534180049	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	9,03	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
110	050607190641	Nguyễn Hoàng	Việt	HQ7-GE15	Ngân hàng	9,03	Giỏi	85	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
111	030835190152	Vương Thị Ánh	Ngọc	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	9,03	Giỏi	83	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
112	030534180060	Ngô Thị	Hiếu	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	9,02	Giỏi	94	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
113	050608200414	Huỳnh Trần Trúc	Linh	HQ8-GE11	Quản trị Kinh doanh	9,02	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
114	030633171474	Hoàng Xuân Hậu	DH33TC07	Tài chính	9,02	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
115	030633170845	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH33KT04	Kế toán - Kiểm toán	9,02	Giỏi	88	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
116	030134180491	Huỳnh Thị Kim Thanh	DH34TC04	Tài chính	9,02	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
117	030633170936	Thiều Thị Thành	DH33TC04	Tài chính	9,02	Giỏi	83	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
118	030535190066	Uông Huỳnh Kim Hân	HQ7-GE01	Kế toán - Kiểm toán	9,01	Giỏi	95	Xuất sắc	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
119	030534180082	Đoàn Thị Ánh Kiều	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	9,01	Giỏi	94	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
120	050607190504	Huỳnh Nguyễn Anh Thư	HQ7-GE06	Tài chính	9,01	Giỏi	94	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
121	030536200052	Mai Thu Hiền	DH36KT03	Kế toán - Kiểm toán	9,01	Giỏi	89	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
122	030134180485	Huỳnh Thị Xuân Tươi	DH34TC05	Tài chính	9,01	Giỏi	87	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
123	030835190150	Trần Hương Hoài Ngọc	DH35KQ02	Kinh tế Quốc tế	9,0	Giỏi	94	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
124	030633171203	Trương Thảo Ly	DH33TC07	Tài chính	9,0	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
125	030536200185	Trần Thị Thanh Thảo	DH36KT03	Kế toán - Kiểm toán	9,0	Giỏi	84	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
126	030134180212	Võ Thiện Khánh	DH34TC02	Tài chính	8,99	Giỏi	90	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000

h

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
127	030134180327	Ngô Thị Nghiêm	DH34NH03	Ngân hàng	8,99	Giỏi	89	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
128	030534180046	Cao Gia Hân	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,99	Giỏi	89	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
129	030235190198	Huỳnh Thị Như Ý	DH35TM02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,99	Giỏi	89	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
130	030134180157	Đào Việt Hoàng	DH34TC02	Tài chính	8,99	Giỏi	87	Tốt	26	Giỏi	1.135.000	5.675.000
131	030135190138	Tô Thị Hồng Hạnh	DH35TC01	Tài chính	8,99	Giỏi	84	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
132	030805170130	Bùi Nguyên Thiên Phúc	HQ5-GE02	Tài chính	8,98	Giỏi	99	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
133	030805170364	Trang Diệu Ái	HQ5-GE12	Kế toán - Kiểm toán	8,98	Giỏi	98	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
134	030335190289	Tiêu Ngọc Trâm	DH35MK02	Quản trị Kinh doanh	8,98	Giỏi	92	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
135	030335190203	Huỳnh Tấn Phát	HQ7-GE03	Quản trị Kinh doanh	8,98	Giỏi	89	Tốt	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
136	030136200367	Nguyễn Ngọc Thiên Ngân	HQ8-GE05	Tài chính	8,98	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
137	030335190020	Huỳnh Lê Khánh Băng	DH35QT03	Quản trị Kinh doanh	8,97	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
138	050608200619	Ngô Mỹ Tiên	HQ8-GE02	Quản trị Kinh doanh	8,97	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
139	030134180560	Trịnh Huỳnh Anh Thư	DH34NH04	Ngân hàng	8,97	Giỏi	82	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
140	030535190241	Phạm Thị Trang	DH35KT04	Kế toán - Kiểm toán	8,96	Giỏi	96	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
141	030334180005	Đặng Phương Anh	DH34QT01	Quản trị Kinh doanh	8,96	Giỏi	94	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
142	050607190654	Nguyễn Thị Thúy Vy	HQ7-GE01	Kế toán - Kiểm toán	8,96	Giỏi	94	Xuất sắc	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
143	050607190342	Lê Linh Nhi	HQ7-GE11	Quản trị Kinh doanh	8,96	Giỏi	91	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
144	030235190157	Phạm Thùy Trang	DH35TM02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,96	Giỏi	90	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
145	030135190467	Trương Thị Kiều Quanh	DH35TC02	Tài chính	8,96	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
146	030633170776	Hồ Trung Tín	DH33TC01	Tài chính	8,96	Giỏi	84	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
147	030835190077	Nguyễn Quỳnh Hoa	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8,96	Giỏi	84	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
148	030633170988	Đặng Như Út Hằng	DH33KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,96	Giỏi	82	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
149	030534180237	Đặng Thị Tường Vi	DH34KT04	Kế toán - Kiểm toán	8,95	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
150	030835190058	Nguyễn Nhật Hạnh	DH35KQ01	Kinh tế Quốc tế	8,95	Giỏi	89	Tốt	27	Giỏi	1.135.000	5.675.000
151	030434180120	Đặng Vũ Minh Nghĩa	DH34AV02	Ngoại ngữ	8,95	Giỏi	87	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
152	030633171323	Mai Thảo Quyên	DH33KT04	Kế toán - Kiểm toán	8,94	Giỏi	94	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
153	030134180122	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	DH34TC01	Tài chính	8,94	Giỏi	92	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
154	050606180407	Nguyễn Hoàng Anh Thy	HQ6-GE01	Kế toán - Kiểm toán	8,94	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
155	030235190080	Lê Huyền Mi	DH35TM01	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,94	Giỏi	88	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
156	030534180074	Nguyễn Thị Hương	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,94	Giỏi	84	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
157	030233170010	Đặng Đình Đình	DH33TM01	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,94	Giỏi	84	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
158	030805170002	Đặng Văn Tú	HQ5-GE03	Tài chính	8,94	Giỏi	84	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
159	030434180041	Võ Thị Hồng Diệp	DH34AV01	Ngoại ngữ	8,93	Giỏi	94	Xuất sắc	27	Giỏi	1.135.000	5.675.000
160	030836200103	Võ Thị Kim Ngân	DH36KQ02	Kinh tế Quốc tế	8,93	Giỏi	94	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
161	030134180042	Trần Thị Bình	DH34NH01	Ngân hàng	8,93	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
162	050606180408	Nguyễn Trần Mai Thy	HQ6-GE07	Kế toán - Kiểm toán	8,93	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
163	030135190129	Nguyễn Thảo Hà	DH35TC01	Tài chính	8,93	Giỏi	84	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
164	030805170038	Nguyễn Lê Phương Trâm	HQ5-GE03	Tài chính	8,92	Giỏi	98	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
165	030633170461	Nguyễn Nhật Quang	DH33TC03	Tài chính	8,92	Giỏi	94	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
166	030835190164	Nguyễn Thị Yến Nhi	DH35KQ02	Kinh tế Quốc tế	8,92	Giỏi	92	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
167	050607190350	Nguyễn Thị Yến Nhi	HQ7-GE02	Quản trị Kinh doanh	8,92	Giỏi	92	Xuất sắc	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
168	030135190285	Vương Trúc Linh	HQ7-GE04	Ngân hàng	8,92	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
169	030633171710	Nguyễn Thị Phương Thảo	DH33KT05	Kế toán - Kiểm toán	8,92	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
170	030633171572	Nguyễn Hữu Phong	DH33TC06	Tài chính	8,92	Giỏi	87	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
171	030835190265	Chu Hoàng Cẩm Tú	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8,92	Giỏi	85	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
172	030135190327	Nghiêm Đình Nam	DH35TC06	Tài chính	8,92	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
173	030534180027	Đặng Thùy Dương	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,91	Giỏi	94	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
174	030534180034	Trần Nguyễn Phúc Gia	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,91	Giỏi	94	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
175	030633170117	Trần Hữu Đức	DH33TC02	Tài chính	8,9	Giỏi	97	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
176	050606180201	Võ Thành Lợi	HQ6-GE10	Tài chính	8,9	Giỏi	93	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
177	030834180113	Tạ Mỹ Linh	DH34KQ02	Kinh tế Quốc tế	8,9	Giỏi	92	Xuất sắc	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
178	030235190001	Đỗ Thái An	DH35TM02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,9	Giỏi	92	Xuất sắc	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
179	030633170520	Nhan Thị Mỹ Trâm	DH33KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,9	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
180	030134180334	Ngô Thị Bảo Ngọc	DH34NH03	Ngân hàng	8,9	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
181	030135190664	Nguyễn Thị Nhi Trinh	DH35TC01	Tài chính	8,9	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
182	030633171593	Đặng Ngọc Thanh	DH33TC06	Tài chính	8,9	Giỏi	88	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
183	030835190125	Trần Thị Cẩm Ly	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8,9	Giỏi	84	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
184	030434180104	Lê Thị Ngọc Mai	DH34AV02	Ngoại ngữ	8,9	Giỏi	84	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
185	030534180052	Lê Trung Hậu	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,89	Giỏi	98	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
186	030235190059	Trần Quang Khải	DH35DN01	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,89	Giỏi	84	Tốt	27	Giỏi	1.135.000	5.675.000
187	030334180272	Đào Thị Việt Trinh	DH34QT02	Quản trị Kinh doanh	8,89	Giỏi	84	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
188	030134180519	Lê Ngọc Thi	DH34TC04	Tài chính	8,89	Giỏi	81	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
189	030134180062	Hoàng Hà Dung	DH34TC01	Tài chính	8,88	Giỏi	91	Xuất sắc	26	Giỏi	1.135.000	5.675.000
190	030633170120	Đặng Ngọc Minh Thu	HQ5-GE07	Kế toán - Kiểm toán	8,87	Giỏi	94	Xuất sắc	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
191	050607190231	Nguyễn Thị Mai Linh	HQ7-GE06	Tài chính	8,87	Giỏi	94	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
192	030135190518	Nguyễn Phương Thảo	DH35TC04	Tài chính	8,87	Giỏi	91	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
193	030134180090	Trần Thị Hoa Đào	DH34TC01	Tài chính	8,87	Giỏi	86	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
194	050607190645	Trần Mạnh Vũ	HQ7-GE02	Quản trị Kinh doanh	8,86	Giỏi	99	Xuất sắc	27	Giỏi	1.135.000	5.675.000
195	030835190051	Lê Vương Mỹ Giang	DH35KQ04	Kinh tế Quốc tế	8,86	Giỏi	95	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
196	030534180010	Mai Thị Huỳnh Cúc	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,86	Giỏi	94	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
197	030633170551	Hồ Ngọc Châu	DH33TC02	Tài chính	8,86	Giỏi	92	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
198	030835190278	Nguyễn Thị Thanh Vân	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8,86	Giỏi	91	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
199	030633170506	Đặng Thị Cẩm Vi	DH33TC03	Tài chính	8,86	Giỏi	90	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
200	030835190277	Nguyễn Nhật Vân	DH35KQ01	Kinh tế Quốc tế	8,86	Giỏi	89	Tốt	27	Giỏi	1.135.000	5.675.000
201	030134180223	Nguyễn Thị Minh Liên	DH34TC02	Tài chính	8,86	Giỏi	89	Tốt	26	Giỏi	1.135.000	5.675.000
202	030134180023	Trần Quế Anh	DH34NH01	Ngân hàng	8,86	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
203	050607190203	Nguyễn Anh Khoa	HQ7-GE05	Ngân hàng	8,86	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
204	030134180412	Trần Ngọc Yến Phương	DH34NH03	Ngân hàng	8,86	Giỏi	84	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
205	030134180279	Lê Thị Kiều Mi	DH34TC03	Tài chính	8,86	Giỏi	82	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
206	030236200146	La Cẩm Tú	DH36HT02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,85	Giỏi	96	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
207	050607190523	Nguyễn Thị Song Thương	HQ7-GE11	Quản trị Kinh doanh	8,85	Giỏi	95	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
208	030534180014	Võ Ngọc Minh Châu	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,85	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
209	030434180085	Diệp Nguyễn Phương Lam	DH34AV02	Ngoại ngữ	8,85	Giỏi	92	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
210	030134180169	Ông Gia Huy	DH34NH02	Ngân hàng	8,85	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
211	030335190073	Trần Quang Anh Hoàng	DH35MK02	Quản trị Kinh doanh	8,85	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
212	030534180160	Nguyễn Quỳnh Trúc Quyên	DH34KT03	Kế toán - Kiểm toán	8,85	Giỏi	86	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
213	030236200089	Đặng Thị Thanh Nga	DH36HT02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,85	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
214	030534180020	Nguyễn Thị Diệu	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,84	Giỏi	99	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
215	030633170632	Nguyễn Trần Tú Quyên	DH33TC06	Tài chính	8,84	Giỏi	98	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
216	030436200016	Huỳnh Quốc Bảo	DH36AV02	Ngoại ngữ	8,84	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
217	030633171698	Lâm Kim Phụng	DH33TC06	Tài chính	8,84	Giỏi	92	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
218	030434180238	Nguyễn Lê Thanh Trúc	DH34AV04	Ngoại ngữ	8,84	Giỏi	91	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
219	030436200007	Lâm Tuấn Anh	DH36AV05	Ngoại ngữ	8,84	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
220	030534180231	Nguyễn Phương Thế Uyên	DH34KT04	Kế toán - Kiểm toán	8,83	Giỏi	96	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
221	050608200197	Phạm Đăng Vinh	HQ8-GE07	Tài chính	8,83	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
222	030633171130	Quan Ngọc Linh	HQ5-GE04	Tài chính	8,83	Giỏi	93	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
223	030434180037	Phan Thị Thùy Dương	DH34AV01	Ngoại ngữ	8,83	Giỏi	92	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
224	030134180255	Nguyễn Thị Châu Loan	DH34TC03	Tài chính	8,83	Giỏi	91	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
225	030135190550	Phạm Thị Mỹ Thơ	DH35TC06	Tài chính	8,83	Giỏi	90	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
226	030534180016	Võ Thị Kim Chi	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,83	Giỏi	89	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
227	030235190123	Nguyễn Thị Quỳn	DH35DN02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,83	Giỏi	89	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
228	030235190111	Đinh Ngọc Oanh	DH35TM01	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,83	Giỏi	89	Tốt	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
229	030536200027	Lê Thị Thùy Dương	DH36KT03	Kế toán - Kiểm toán	8,83	Giỏi	89	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
230	030335190008	Đinh Thị Phương Anh	DH35QT02	Quản trị Kinh doanh	8,83	Giỏi	87	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
231	030335190271	Lâm Thủy Tiên	DH35QT02	Quản trị Kinh doanh	8,83	Giỏi	84	Tốt	26	Giỏi	1.135.000	5.675.000
232	030235190143	Tô Thị Tấn Thịnh	DH35TM02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,83	Giỏi	84	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
233	030336200368	Nguyễn Phan Kiên Trinh	DH36QT07	Quản trị Kinh doanh	8,83	Giỏi	84	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
234	030834180264	Nguyễn Thành Trung	DH34KQ05	Kinh tế Quốc tế	8,83	Giỏi	81	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
235	030134180305	Bùi Thị Thảo Ngân	DH34TC03	Tài chính	8,83	Giỏi	81	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
236	050606180197	Tô Thị Hoàng Lộc	HQ6-GE01	Kế toán - Kiểm toán	8,82	Giỏi	91	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
237	030434180264	Huỳnh Ngọc Xười	DH34AV04	Ngoại ngữ	8,82	Giỏi	89	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
238	030633170269	Trương Thị Hà Nhi	DH33TC03	Tài chính	8,82	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
239	030534180120	Nguyễn Thị Tuyết Nga	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,82	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
240	030534180223	Phạm Phương Trinh	DH34KT04	Kế toán - Kiểm toán	8,82	Giỏi	88	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
241	030633171645	Phạm Thị Anh Thư	DH33TC07	Tài chính	8,82	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
						Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
242	030436200028	Phạm Lê Thuỳ	Diễm	DH36AV04	Ngoại ngữ	8,81	Giỏi	95	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
243	030534180131	Nguyễn Thị	Ngọc	DH34KT03	Kế toán - Kiểm toán	8,81	Giỏi	94	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
244	030434180038	Mẫn Thị Anh	Đào	DH34AV01	Ngoại ngữ	8,81	Giỏi	92	Xuất sắc	28	Giỏi	1.135.000	5.675.000
245	030134180246	Nguyễn Thị Mai	Linh	DH34TC02	Tài chính	8,81	Giỏi	89	Tốt	29	Giỏi	1.135.000	5.675.000
246	030134180081	Trần Thị Mỹ	Duyên	DH34TC01	Tài chính	8,81	Giỏi	89	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
247	050608200343	Võ Gia	Hân	HQ8-GE03	Quản trị Kinh doanh	8,81	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
248	050607190096	Trần Thị Mỹ	Duyên	HQ7-GE11	Quản trị Kinh doanh	8,81	Giỏi	88	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
249	030135190708	Nguyễn Trần Thu	Uyên	DH35TC03	Tài chính	8,81	Giỏi	84	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
250	050608200541	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	HQ8-GE13	Quản trị Kinh doanh	8,81	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
251	050607190340	Huỳnh Thị Thúy	Nhi	HQ7-GE06	Tài chính	8,8	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
252	030535190167	Trần Thị Quỳnh	Như	DH35KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,8	Giỏi	93	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
253	050606180386	Trần Ngọc Thanh	Thủy	HQ6-GE05	Tài chính	8,8	Giỏi	93	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
254	030834180173	Nguyễn Thị Yến	Nhi	DH34KQ03	Kinh tế Quốc tế	8,8	Giỏi	92	Xuất sắc	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
255	030335190338	Hà Ngọc Yến	DH35MK02	Quản trị Kinh doanh	8,8	Giỏi	90	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
256	030534180002	Huỳnh Thị Ngọc Anh	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,8	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
257	030134180393	Triệu An Phúc	DH34NH03	Ngân hàng	8,8	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
258	030735190070	Phan Huỳnh Mai	DH35LK02	Luật kinh tế	8,8	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
259	030436200043	Nguyễn Thục Đoan	DH36AV02	Ngoại ngữ	8,8	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
260	030633170329	Nguyễn Dương Anh Thư	DH33KT05	Kế toán - Kiểm toán	8,8	Giỏi	85	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
261	030835190177	Vũ Quỳnh Như	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8,8	Giỏi	84	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
262	030535190128	Đặng Thị Ngân	DH35KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,8	Giỏi	83	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
263	050608200460	Quách Hằng Ni	HQ8-GE11	Quản trị Kinh doanh	8,79	Giỏi	94	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
264	030834180181	Lữ Thị Lan Nhung	DH34KQ04	Kinh tế Quốc tế	8,79	Giỏi	92	Xuất sắc	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
265	030534180078	Phạm Thị Hương	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,79	Giỏi	92	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
266	030134180422	Nguyễn Tuyết Quân	DH34NH04	Ngân hàng	8,79	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
267	050608200578	Huỳnh Phú Quang	HQ8-GE02	Quản trị Kinh doanh	8,79	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
268	030536200296	Cáp Thị Hiền My	DH36KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,79	Giỏi	89	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
269	030134180330	Đặng Thị Bích Ngọc	DH34TC03	Tài chính	8,79	Giỏi	87	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
270	030236200040	Phạm Minh Đức	DH36HT04	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,79	Giỏi	87	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
271	030436200190	Nguyễn Cao Minh Thư	DH36AV04	Ngoại ngữ	8,79	Giỏi	87	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
272	030535190064	Huỳnh Thị Ngọc Hân	DH35KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,79	Giỏi	84	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
273	030336200188	Nguyễn Thị Yến Nhi	DH36QT03	Quản trị Kinh doanh	8,79	Giỏi	83	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
274	030334180191	Võ Thị Kiều Oanh	DH34QT02	Quản trị Kinh doanh	8,79	Giỏi	81	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
275	030805170004	Nguyễn Ngọc Bích Hằng	HQ5-GE01	Tài chính	8,78	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
276	030735190095	Vũ Nguyễn Quỳnh Như	DH35LK01	Luật kinh tế	8,78	Giỏi	97	Xuất sắc	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
277	050607190403	Nguyễn Thôi Kim Phương	HQ7-GE17	Tài chính	8,78	Giỏi	97	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
278	030633170925	Doãn Hoàng Minh	HQ5-GE04	Tài chính	8,78	Giỏi	96	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
279	030134180650	Lê Thị Thảo Vy	DH34TC05	Tài chính	8,78	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
280	030835190223	Nguyễn Nữ Kim Thoa	DH35KQ01	Kinh tế Quốc tế	8,78	Giỏi	89	Tốt	30	Giỏi	1.135.000	5.675.000
281	050606180268	Nguyễn Thiện Nhân	HQ6-GE10	Tài chính	8,78	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
282	050606180395	Trần Đình Anh Thư	HQ6-GE07	Kế toán - Kiểm toán	8,78	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
283	030633170054	Lâm Thị Hồng Mai	DH33TC03	Tài chính	8,78	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
284	030136200148	Trần Hồng Hạnh	DH36DC08	Ngân hàng	8,78	Giỏi	86	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
285	030535190243	Trương Thị Thùy Trang	DH35KT04	Kế toán - Kiểm toán	8,78	Giỏi	84	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
286	030136200677	Lã Tấn Hoài Trâm	DH36DC10	Ngân hàng	8,78	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
287	050607190328	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	HQ7-GE16	Ngân hàng	8,77	Giỏi	99	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
288	030633170552	Bùi Mỹ Ân	HQ5-GE04	Tài chính	8,77	Giỏi	93	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
289	050606180200	Nguyễn Thanh Thắng Lợi	HQ6-GE07	Kế toán - Kiểm toán	8,77	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
290	030534180108	Tăng Ngọc Mi	HQ6-GE01	Kế toán - Kiểm toán	8,77	Giỏi	91	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
291	030534180099	Phan Thị Nhật Linh	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,77	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
292	030235190192	Nguyễn Võ Tường Vi	DH35TM01	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,77	Giỏi	88	Tốt	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
293	030535190107	Võ Thị Phương Linh	DH35KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,77	Giỏi	87	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
294	030633171705	Phạm Hồng Hân	DH33TC07	Tài chính	8,77	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
295	030835190160	Nguyễn Đức Minh Nhật	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8,77	Giỏi	82	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
296	030534180235	Nguyễn Thị Thúy Vân	DH34KT04	Kế toán - Kiểm toán	8,77	Giỏi	82	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
297	030135190380	Trần Trung Nguyên	HQ7-GE07	Tài chính	8,77	Giỏi	80	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
298	030134180069	Đỗ Đăng Duy	DH34NH01	Ngân hàng	8,76	Giỏi	96	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
299	030535190221	Nguyễn Minh Thư	DH35KT03	Kế toán - Kiểm toán	8,76	Giỏi	95	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
300	030435190246	Trần Thị Bích Tuyền	DH35AV02	Ngoại ngữ	8,76	Giỏi	91	Xuất sắc	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
301	110301190055	Bùi Duy Thuận	DH35DD02	Quản trị Kinh doanh	8,76	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
302	050607190338	Hà Uyên Nhi	HQ7-GE13	Quản trị Kinh doanh	8,76	Giỏi	91	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
303	030633170116	Tổng Lê Như Huyền	DH33KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,76	Giỏi	88	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
304	030835190181	Nguyễn Thị Hồng Phấn	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8,76	Giỏi	84	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
305	030633170557	Nguyễn Hữu Thiên Ân	DH33TC05	Tài chính	8,76	Giỏi	84	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
306	030236200159	Nguyễn Hà Thi	DH36HT03	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,76	Giỏi	81	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
307	050606180383	Nguyễn Thị Ngân Thùy	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	8,76	Giỏi	80	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
308	030434180039	Phạm Thị Đào	DH34AV01	Ngoại ngữ	8,75	Giỏi	95	Xuất sắc	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
309	030235190182	Đinh Thị Thảo Uyên	DH35DN02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,75	Giỏi	89	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
310	030633171228	Nguyễn Thị Thanh Ngân	DH33KT04	Kế toán - Kiểm toán	8,75	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
311	050606180415	Nguyễn Thu Trang	HQ6-GE12	Ngân hàng	8,75	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
312	050608200090	Bùi Thị Diễm Mi	HQ8-GE19	Ngân hàng	8,75	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
313	050607190532	Phạm Thị Thủy Tiên	HQ7-GE03	Quản trị Kinh doanh	8,75	Giỏi	89	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
314	030434180138	Trần Yến Nhi	DH34AV03	Ngoại ngữ	8,75	Giỏi	87	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
315	030834180022	Nguyễn Hồng Ngọc Bích	DH34KQ01	Kinh tế Quốc tế	8,75	Giỏi	81	Tốt	26	Giỏi	1.135.000	5.675.000
316	030834180217	Thái Thị Bích Tuyền	DH34KQ05	Kinh tế Quốc tế	8,75	Giỏi	81	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
317	030136200654	Trần Hoài Thương	DH36DC06	Tài chính	8,74	Giỏi	99	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
318	030805170337	Nguyễn Thị Ngọc Anh	HQ5-GE05	Quản trị Kinh doanh	8,74	Giỏi	99	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
319	030334180057	Võ Thị Thùy Em	DH34MK01	Quản trị Kinh doanh	8,74	Giỏi	97	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
320	030633170807	Nguyễn Thị Như Ý	DH33TC03	Tài chính	8,74	Giỏi	94	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
321	030235190133	Nguyễn Phan Duy Tân	DH35TM01	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,74	Giỏi	93	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
322	030334180064	Đặng Thị Kim Hạnh	DH34QT01	Quản trị Kinh doanh	8,74	Giỏi	92	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
323	030134180162	Nguyễn Thị Thúy Hồng	DH34TC02	Tài chính	8,74	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
324	030534180125	Nguyễn Thị Kim Ngân	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,74	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
325	050607190533	Tổng Thị Mỹ Tiên	HQ7-GE04	Ngân hàng	8,74	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
326	050608200737	Trần Thị Quế Trân	HQ8-GE02	Quản trị Kinh doanh	8,74	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
327	030235190162	Lý Huyền Trâm	DH35DN01	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,74	Giỏi	84	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
328	030335190243	Lê Thanh Thảo	DH35MK02	Quản trị Kinh doanh	8,74	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
329	030534180196	Võ Hoàng Thụy	DH34KT03	Kế toán - Kiểm toán	8,74	Giỏi	83	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
330	030136200715	Võ Thị Trọng	DH36DC12	Ngân hàng	8,74	Giỏi	81	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
331	050607190404	Nguyễn Trần Như Phương	HQ7-GE01	Kế toán - Kiểm toán	8,73	Giỏi	98	Xuất sắc	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
332	030534180047	Huỳnh Ngọc Hân	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,73	Giỏi	94	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
333	030434180243	Nguyễn Hồ Thu Uyên	DH34AV04	Ngoại ngữ	8,73	Giỏi	94	Xuất sắc	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
334	030434180236	Trần Thị Thảo Trinh	DH34AV04	Ngoại ngữ	8,73	Giỏi	92	Xuất sắc	28	Giỏi	1.135.000	5.675.000
335	030335190038	Lê Quảng Đại	DH35MK02	Quản trị Kinh doanh	8,73	Giỏi	92	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
336	050606180300	Đào Thị Minh Phương	HQ6-GE01	Kế toán - Kiểm toán	8,73	Giỏi	91	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
337	030534180092	Dương Thị Ánh Linh	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,73	Giỏi	89	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
338	030633170858	Lê Mai Mỹ Huyền	DH33TC05	Tài chính	8,73	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
339	030633171266	Trần Thị Ngọc Đoan	DH33KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,73	Giỏi	84	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
340	030334180238	Huỳnh Thanh Thảo	DH34QT02	Quản trị Kinh doanh	8,73	Giỏi	83	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
341	030805170205	Lâm Minh Bảo Trân	HQ5-GE07	Kế toán - Kiểm toán	8,72	Giỏi	99	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
342	030135190580	Nguyễn Lê Hoài Thương	HQ7-GE05	Ngân hàng	8,72	Giỏi	97	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
343	050608200297	Lê Nguyễn Phương Đài	HQ8-GE14	Tài chính	8,72	Giỏi	93	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
344	030335190100	Nguyễn Thị Mỹ Lài	DH35MK02	Quản trị Kinh doanh	8,72	Giỏi	91	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000

h

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
345	110301190026	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	DH35DD02	Quản trị Kinh doanh	8,72	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
346	030135190663	Nguyễn Thị Lệ Trinh	DH35TC05	Tài chính	8,72	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
347	030134180349	Lê Quốc Nhật	DH34NH03	Ngân hàng	8,72	Giỏi	88	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
348	050608200324	Lương Gia Hào	HQ8-GE11	Quản trị Kinh doanh	8,72	Giỏi	88	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
349	030633170346	Nguyễn Thị Phương Trâm	DH33TC03	Tài chính	8,72	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
350	030335190339	Lê Thị Yến	DH35QT02	Quản trị Kinh doanh	8,72	Giỏi	84	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
351	050608200026	Võ Thanh Chí Bảo	HQ8-GE05	Tài chính	8,72	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
352	030134180222	Nguyễn Thị Hoàng Liên	DH34NH02	Ngân hàng	8,72	Giỏi	82	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
353	030536200238	Đặng Phạm Phương Trinh	DH36KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,72	Giỏi	82	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
354	030534180055	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,71	Giỏi	94	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
355	030236200031	Nguyễn Hoài Ánh Dương	DH36HT02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,71	Giỏi	94	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
356	030334180220	Nguyễn Trọng Tài	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	8,71	Giỏi	93	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
357	030236200202	Đoàn Thị Như Ý	DH36HT02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,71	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
358	050607190049	Pakpahan Nguyễn Hồng Ân	HQ7-GE03	Quản trị Kinh doanh	8,71	Giỏi	91	Xuất sắc	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
359	030434180073	Thái Lê Ngọc Huyền	DH34AV02	Ngoại ngữ	8,71	Giỏi	90	Xuất sắc	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
360	030135190197	Nguyễn Thị Kim Hoanh	DH35NH01	Ngân hàng	8,71	Giỏi	90	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
361	030534180081	Phan Thị Mỹ Hường	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,71	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
362	030236200093	Nguyễn Thị Kim Ngân	DH36HT04	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,71	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
363	030134180489	Trần Hữu Thái	DH34TC04	Tài chính	8,71	Giỏi	87	Tốt	27	Giỏi	1.135.000	5.675.000
364	030134180511	Trần Thị Kim Thảo	DH34TC04	Tài chính	8,71	Giỏi	87	Tốt	27	Giỏi	1.135.000	5.675.000
365	030236200222	Phạm Huỳnh Khải Thiên	DH36HT02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,71	Giỏi	86	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
366	030334180258	Lương Thị Thùy Trang	DH34QT02	Quản trị Kinh doanh	8,71	Giỏi	85	Tốt	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
367	030835190163	Nguyễn Thị Huỳnh Nhi	DH35KQ05	Kinh tế Quốc tế	8,7	Giỏi	97	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
368	050608200626	Lê Đoàn Tuấn Tú	HQ8-GE20	Ngân hàng	8,7	Giỏi	92	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
369	030135190281	Trần Kiều Mai Linh	DH35TC04	Tài chính	8,7	Giỏi	91	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
370	030633170194	Trần Thị Thanh Huyền	DH33TC02	Tài chính	8,7	Giỏi	90	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
371	050608200045	Cao Nguyễn Ngọc Giàu	HQ8-GE07	Tài chính	8,7	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
372	030134180413	Trần Thị Mỹ Phương	DH34TC04	Tài chính	8,7	Giỏi	84	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
373	030534180064	Vũ Thị Hồng	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,7	Giỏi	84	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
374	030633170197	Phan Thị Thu Nguyệt	DH33TC02	Tài chính	8,7	Giỏi	83	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
375	030434180183	Trịnh Trọng Tiến	DH34AV04	Ngoại ngữ	8,7	Giỏi	80	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
376	050608200716	Lâm Hoàng Huyền Trang	HQ8-GE14	Tài chính	8,69	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
377	030535190185	Nguyễn Thị Như Quỳnh	HQ7-GE09	Kế toán - Kiểm toán	8,69	Giỏi	90	Xuất sắc	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
378	030134180302	Lê Thị Ngà	DH34TC03	Tài chính	8,69	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
379	030534180050	Trần Gia Hân	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,69	Giỏi	89	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
380	030434180168	Nguyễn Thị Ngọc Quế	DH34AV03	Ngoại ngữ	8,69	Giỏi	89	Tốt	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
381	030336200241	Lê Thị Cẩm Tú	DH36QT05	Quản trị Kinh doanh	8,69	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
382	030134180203	Lê Vũ Khang	DH34TC02	Tài chính	8,69	Giỏi	84	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
383	030134180307	Huỳnh Kim Ngân	DH34NH03	Ngân hàng	8,69	Giỏi	81	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
384	030633171591	Huỳnh Kim Thảo	DH33TC06	Tài chính	8,68	Giỏi	95	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
385	050606180194	Vương Đức Long	HQ6-GE09	Quản trị Kinh doanh	8,68	Giỏi	95	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
386	030534180026	Trần Thị Duyên	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,68	Giỏi	94	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
387	030633170331	Ngô Hiếu Khả	HQ5-GE07	Kế toán - Kiểm toán	8,68	Giỏi	94	Xuất sắc	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
388	050606180176	Ngô Văn Lin	HQ6-GE08	Quản trị Kinh doanh	8,68	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
389	030134180111	Phan Thị Hà	DH34TC01	Tài chính	8,68	Giỏi	91	Xuất sắc	27	Giỏi	1.135.000	5.675.000
390	030534180124	Nguyễn Thị Kim Ngân	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,68	Giỏi	91	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
391	050607190621	Lê Gia Uyên	HQ7-GE11	Quản trị Kinh doanh	8,68	Giỏi	89	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
392	030136200676	Hồ Hoàng Bảo Trâm	DH36DC03	Tài chính	8,68	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
393	030633170030	Ngô Đạt Quí	DH33TC02	Tài chính	8,68	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
394	030135190508	Hồ Lê Mỹ Thanh	HQ7-GE04	Ngân hàng	8,68	Giỏi	87	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
395	030735190057	Dương Thị Cẩm Hường	DH35LK02	Luật kinh tế	8,68	Giỏi	84	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
396	030633170716	Nguyễn Trần Duy	DH33TC05	Tài chính	8,68	Giỏi	84	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
						Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
397	030134180603	Lê Thị Mỹ	Trinh	DH34TC05	Tài chính	8,68	Giỏi	82	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
398	030136200109	Phạm Thị Hạnh	Duyên	DH36DC01	Tài chính	8,68	Giỏi	81	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
399	030834180078	Nguyễn Minh	Hiếu	DH34KQ02	Kinh tế Quốc tế	8,67	Giỏi	92	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
400	030534180130	Lưu Bích	Ngọc	DH34KT03	Kế toán - Kiểm toán	8,67	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
401	030136200387	Đặng Duy	Ngọc	DH36DC01	Tài chính	8,67	Giỏi	90	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
402	030336200130	Đào Thị Mỹ	Linh	DH36QT02	Quản trị Kinh doanh	8,67	Giỏi	90	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
403	030235190197	Đinh Thị Như	Ý	DH35TM01	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,67	Giỏi	89	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
404	050606180305	Nguyễn Ngọc Bảo	Phương	HQ6-GE12	Ngân hàng	8,67	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
405	030535190051	Trần Ngọc	Hà	DH35KT03	Kế toán - Kiểm toán	8,67	Giỏi	87	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
406	030136200292	Nguyễn Lê Nhật	Linh	DH36DC02	Tài chính	8,67	Giỏi	85	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
407	030134180249	Phạm Thị Thùy	Linh	DH34TC03	Tài chính	8,67	Giỏi	84	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
408	030335190185	Trần Nguyệt Yến	Nhi	HQ7-GE11	Quản trị Kinh doanh	8,67	Giỏi	84	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
409	030134180589	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	DH34NH05	Ngân hàng	8,66	Giỏi	99	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
410	030135190540	Phan Thị Minh Thi	DH35NH01	Ngân hàng	8,66	Giỏi	93	Xuất sắc	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
411	030534180182	Trần Thị Băng Thanh	DH34KT03	Kế toán - Kiểm toán	8,66	Giỏi	90	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
412	050607190025	Mai Thị Kim Anh	HQ7-GE02	Quản trị Kinh doanh	8,66	Giỏi	89	Tốt	19	Giỏi	1.135.000	5.675.000
413	050608200331	Nguyễn Phạm Thuận Hằng	HQ8-GE05	Tài chính	8,66	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
414	050608200615	Nguyễn Quốc Tân	HQ8-GE02	Quản trị Kinh doanh	8,66	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
415	050608200086	Tăng Kim Lợi	HQ8-GE12	Quản trị Kinh doanh	8,66	Giỏi	89	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
416	030434180265	Nguyễn Thị Như Ý	DH34AV04	Ngoại ngữ	8,66	Giỏi	89	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
417	030633170631	Đoàn Hiền Phượng	DH33KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,66	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
418	030836200215	Hồ Thị Ngọc Trâm	DH36KQ05	Kinh tế Quốc tế	8,66	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
419	030135190464	Cao Minh Quang	DH35TC06	Tài chính	8,66	Giỏi	87	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
420	030633170213	Nguyễn Thị Trúc Thi	DH33KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,66	Giỏi	87	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
421	030633171109	Ngô Thị Thùy Dương	DH33NH03	Ngân hàng	8,66	Giỏi	85	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
422	030335190334	Hồ Lưu Thị Như Ý	DH35MK02	Quản trị Kinh doanh	8,66	Giỏi	84	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
423	050607190636	Nguyễn Ngọc Tường Vi	HQ7-GE08	Kế toán - Kiểm toán	8,66	Giỏi	84	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
424	030633170293	Nguyễn Minh Phú	DH33TC02	Tài chính	8,66	Giỏi	84	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
425	030436200206	Phạm Lê Thanh Trúc	DH36AV05	Ngoại ngữ	8,66	Giỏi	81	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
426	030805170054	Võ Thị Mỹ Hân	HQ5-GE01	Tài chính	8,65	Giỏi	99	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
427	030334180123	Nguyễn Thị Thúy Linh	DH34QT01	Quản trị Kinh doanh	8,65	Giỏi	97	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
428	030534180022	Đinh Phạm Thúy Duyên	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,65	Giỏi	94	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
429	030235190145	Phạm Thị Thúy Thúy	DH35TM02	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,65	Giỏi	92	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
430	030136200675	Đoàn Thị Bích Trâm	DH36DC06	Tài chính	8,65	Giỏi	91	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
431	030633171186	Lê Thị Giang	DH33KT05	Kế toán - Kiểm toán	8,65	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
432	050607190079	Lý Hồ Diệp	HQ7-GE08	Kế toán - Kiểm toán	8,65	Giỏi	89	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
433	030633170484	Lê Ngọc Anh Thư	DH33KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,65	Giỏi	88	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
434	030535190144	Trần Bảo Ngọc	DH35KT04	Kế toán - Kiểm toán	8,65	Giỏi	87	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
435	030805170191	Nguyễn Hồng Hạnh	HQ5-GE01	Tài chính	8,64	Giỏi	94	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
436	030835190213	Nguyễn Thị Thu Thảo	DH35KQ03	Kinh tế Quốc tế	8,64	Giỏi	93	Xuất sắc	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
437	030435190030	Lưu Nguyễn Hoài Dung	DH35AV04	Ngoại ngữ	8,64	Giỏi	89	Tốt	29	Giỏi	1.135.000	5.675.000
438	030135190680	Võ Thị Thanh Trúc	DH35NH06	Ngân hàng	8,64	Giỏi	89	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
439	030536200216	Đặng Thị Hồng Trang	DH36KT06	Kế toán - Kiểm toán	8,64	Giỏi	88	Tốt	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
440	030434180134	Nguyễn Khánh Nhi	DH34AV02	Ngoại ngữ	8,64	Giỏi	87	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
441	030535190029	Hồ Phạm Ngọc Dung	DH35KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,64	Giỏi	87	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
442	030633170176	Bùi Khánh Minh Thảo	DH33TC01	Tài chính	8,64	Giỏi	87	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
443	030334180267	Lê Thị Huyền Trân	DH34MK03	Quản trị Kinh doanh	8,64	Giỏi	85	Tốt	24	Giỏi	1.135.000	5.675.000
444	030136200821	Mai Chí Công	DH36DC11	Ngân hàng	8,64	Giỏi	84	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
445	030335190293	Võ Thị Xuân Triển	DH35MK03	Quản trị Kinh doanh	8,64	Giỏi	81	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
446	030633170944	Nguyễn Thị Hoài Ly	DH33KT03	Kế toán - Kiểm toán	8,64	Giỏi	81	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
447	050607190512	Nguyễn Thị Anh Thư	HQ7-GE17	Tài chính	8,64	Giỏi	81	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
448	030805170104	Nguyễn Thị Đoan Trang	HQ5-GE03	Tài chính	8,63	Giỏi	98	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000

h

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
449	050608200323	Tô Thị Mỹ Hạnh	HQ8-GE01	Kế toán - Kiểm toán	8,63	Giỏi	96	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
450	030434180054	Vũ Ngọc Hân	DH34AV01	Ngoại ngữ	8,63	Giỏi	94	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
451	050607190089	Đoàn Thị Cẩm Duyên	HQ7-GE08	Kế toán - Kiểm toán	8,63	Giỏi	94	Xuất sắc	16	Giỏi	1.135.000	5.675.000
452	030435190213	Nguyễn Thái Anh Thư	DH35AV04	Ngoại ngữ	8,63	Giỏi	93	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
453	030633171637	Phạm Thị Mai Huế	DH33TC06	Tài chính	8,63	Giỏi	92	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
454	030134180216	Nguyễn Khuyến	DH34TC02	Tài chính	8,63	Giỏi	88	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
455	030534180079	Trần Thị Lan Hương	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,63	Giỏi	88	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
456	030534180216	Nguyễn Thị Huyền Trân	DH34KT04	Kế toán - Kiểm toán	8,63	Giỏi	87	Tốt	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
457	030134180328	Trần Thị Bé Ngoan	DH34TC03	Tài chính	8,63	Giỏi	84	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
458	030535190048	Nguyễn Thị Thanh Hà	DH35KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,63	Giỏi	84	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
459	050608200568	Ngô Thị Kim Phước	HQ8-GE05	Tài chính	8,63	Giỏi	82	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
460	030136200597	Nguyễn Thị Như Thảo	DH36DC02	Tài chính	8,63	Giỏi	81	Tốt	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
461	030633170416	Nguyễn Thị Diễm	DH33TC02	Tài chính	8,62	Giỏi	98	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
462	030434180240	Nguyễn Thanh Trường	DH34AV04	Ngoại ngữ	8,62	Giỏi	94	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
463	030835190083	Nguyễn Thị Thanh Huyền	DH35KQ01	Kinh tế Quốc tế	8,62	Giỏi	93	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
464	030435190074	Trần Ngọc Hiệp	DH35AV01	Ngoại ngữ	8,62	Giỏi	93	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
465	030134180028	Trịnh Tiến Anh	DH34TC01	Tài chính	8,62	Giỏi	93	Xuất sắc	20	Giỏi	1.135.000	5.675.000
466	050607190220	Nguyễn Thị Ngọc Lan	HQ7-GE11	Quản trị Kinh doanh	8,62	Giỏi	93	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
467	030334180092	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	DH34QT01	Quản trị Kinh doanh	8,62	Giỏi	92	Xuất sắc	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
468	030633171096	Nguyễn Thị Kim Thoa	DH33TC06	Tài chính	8,62	Giỏi	92	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
469	030335190295	Phạm Thị Kiều Trinh	DH35QT02	Quản trị Kinh doanh	8,62	Giỏi	90	Xuất sắc	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
470	050606180440	Tạ Thị Thu Uyên	HQ6-GE01	Kế toán - Kiểm toán	8,62	Giỏi	89	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
471	030535190127	Đinh Thị Bích Ngân	DH35KT04	Kế toán - Kiểm toán	8,62	Giỏi	88	Tốt	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
472	030535190203	Nguyễn Thị Phương Thảo	DH35KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,62	Giỏi	87	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
473	030234180019	Vũ Thị Mai Diệu	DH34TM01	Hệ thống Thông tin Quản lý	8,62	Giỏi	86	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
474	030434180220	Lê Thị Thùy Trang	DH34AV04	Ngoại ngữ	8,62	Giỏi	86	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
475	030335190298	Nguyễn Đức Trọng	DH35MK02	Quản trị Kinh doanh	8,62	Giỏi	86	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
476	030134180312	Nguyễn Đỗ Kim Ngân	DH34TC03	Tài chính	8,62	Giỏi	85	Tốt	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
477	030434180251	Nguyễn Thị Tường Vi	DH34AV04	Ngoại ngữ	8,62	Giỏi	81	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
478	030136200634	Phạm Thị Thúy	DH36DC06	Tài chính	8,61	Giỏi	93	Xuất sắc	17	Giỏi	1.135.000	5.675.000
479	030335190333	Dương Thị Kim Xuyên	DH35QT01	Quản trị Kinh doanh	8,61	Giỏi	92	Xuất sắc	23	Giỏi	1.135.000	5.675.000
480	030535190163	Phạm Thị Nhung	DH35KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,61	Giỏi	92	Xuất sắc	22	Giỏi	1.135.000	5.675.000
481	050607190199	Mai Kim Khánh	HQ7-GE17	Tài chính	8,61	Giỏi	91	Xuất sắc	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
482	030534180069	Phan Thị Huyền	DH34KT02	Kế toán - Kiểm toán	8,61	Giỏi	90	Xuất sắc	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
483	030534180251	Nguyễn Lý Hồng Yến	DH34KT04	Kế toán - Kiểm toán	8,61	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
484	030435190191	Nguyễn Thế Thanh Thảo	DH35AV02	Ngoại ngữ	8,61	Giỏi	89	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
485	050608200810	Trần Thị Cẩm Yến	HQ8-GE02	Quản trị Kinh doanh	8,61	Giỏi	89	Tốt	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
486	030534180181	Nguyễn Thị Dương Thanh	DH34KT03	Kế toán - Kiểm toán	8,61	Giỏi	87	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
487	030135190707	Nguyễn Thị Thùy Uyên	DH35TC07	Tài chính	8,61	Giỏi	87	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Học tập		Rèn luyện		Số tín chỉ	Xếp loại học bổng	Mức học bổng (1 tháng)	Tổng cộng (5 tháng)
					Điểm TBC	Xếp loại	Điểm TBC	Xếp loại				
488	030336200200	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	DH36QT06	Quản trị Kinh doanh	8,61	Giỏi	87	Tốt	15	Giỏi	1.135.000	5.675.000
489	030134180288	Vương Tường Mỹ	DH34TC03	Tài chính	8,61	Giỏi	85	Tốt	21	Giỏi	1.135.000	5.675.000
490	030534180013	Trần Thị Mỹ Châu	DH34KT01	Kế toán - Kiểm toán	8,6	Giỏi	96	Xuất sắc	18	Giỏi	1.135.000	5.675.000
Tổng cộng:			2.826.950.000									
			<i>(Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)</i>									

Danh sách này gồm 490 sinh viên. / *h*

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Lâm Thị Kim Liên
Lâm Thị Kim Liên

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Hữu Toàn
Bùi Hữu Toàn